

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-ST
Ngày: 07-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thế Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bò Quốc Khánh.

2. Ông Đoàn Văn Lược.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ 8, ấp Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số nhà 216, Tổ 2, ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 30/5/2020); có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Lê Minh T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2.2. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 8, ấp Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 29/11/2006 (Người đại diện hợp pháp là bà Trần Thị H, sinh năm 1982 và ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1975). Cùng địa chỉ: Tổ 8, ấp Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26 tháng 02 năm 2018, bà Trần Thị H cho ông Lê Minh T vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 26 tháng 6 năm 2018. Ông Phạm Văn D là người đứng ra bảo lãnh cho việc mượn tiền của ông T, có ký tên, lăn tay trong giấy mượn tiền. Sau khi đến hạn trả tiền, bà Trần Thị H nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng ông Lê Minh T và ông Phạm Văn D không thực hiện. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T và ông D liên đới trả cho bà H số tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi 34.500.000 đồng (Ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Để chứng minh cho yêu cầu là có căn cứ, bà Trần Thị H cung cấp cho Tòa án bản chính “Giấy mượn tiền” năm 2018 giữa bà Trần Thị H với ông Lê Minh T và ông Phạm Văn D.

Bị đơn ông Lê Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và không có bản tự khai trình bày ý kiến.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 7 năm 2020, bị đơn ông Phạm Văn D trình bày:

Giữa ông Phạm Văn D với ông Lê Minh T và bà Trần Thị H không có mối quan hệ họ hàng, chỉ quen biết nhau ngoài xã hội. Ngày 26 tháng 02 năm 2018, tại nhà của bà Trần Thị H, do ông Lê Minh T có nhu cầu vay tiền để mua cây cao su nên ông T đã đến nhà bà H để vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng. Quá trình vay tiền giữa bà H và ông T có lập giấy vay tiền (Giấy này do con của bà H tên là Nguyễn Minh Đ viết giùm). Bà H và ông T có nhờ ông D ký tên vào giấy vay tiền. Hiện tại, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T và D liên đới trả số tiền 234.500.000 đồng (Hai trăm ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi 34.500.000 đồng (Ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tính từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 đến ngày 26 tháng 5 năm 2020 thì ông D không đồng ý vì ông D chỉ là người làm chứng và cũng không vay tiền của bà H. Ông D thừa nhận chữ ký và dấu lăn tay phần cuối giấy mượn tiền là của ông D. Do thường xuyên phải đi làm nên ông D đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 8 năm 2020 và tại phiên tòa, người làm chứng Nguyễn Minh Đầy trình bày:

Nguyễn Minh Đ là con trai của bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn Đ1. Do bà Trần Thị H không biết chữ nên ngày 26 tháng 02 năm 2018, ông Phạm Văn D có nhờ Nguyễn Minh Đ viết giấy vay tiền với nội dung bà H cho ông D và ông T vay số tiền 200.000.000 đồng. Ông D và ông T có ký tên, lăn tay vào phần người vay tiền. Do ông D và ông H không trả tiền nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Minh T và ông Phạm Văn D trả tổng số tiền 234.500.000 đồng (Hai trăm ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi 34.500.000 đồng (Ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), Nguyễn Minh Đầy đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các bị đơn.

Về nội dung vụ án: Xét thấy nguyên đơn khởi kiện là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 34.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị H thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị H khởi kiện ông Lê Minh T và ông Phạm Văn D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông Lê Minh T và ông Phạm Văn D đang cư trú tại xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ông Lê Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 2 còn ông Phạm Văn D có đơn xin giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Trần Thị H yêu cầu ông Lê Minh T và ông Phạm Văn D liên đới trả số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 34.500.000 đồng. Bà Trần Thị H cho rằng chữ ký, chữ viết và lấn tay phía người vay tiền thể hiện tại “Giấy vay tiền” là của ông Phạm Văn D và ông Lê Minh T. Nội dung giấy mượn tiền thể hiện bà Trần Thị H cho ông Phạm Văn D và ông Lê Minh T vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 04 tháng (Từ ngày 26 tháng 02 đến ngày 26 tháng 6 năm 2018) và lãi suất do các bên thỏa thuận. Bà Trần Thị H đã nhiều lần yêu cầu ông Lê Minh T và ông Phạm Văn D liên đới trả tiền nhưng ông T, ông D không thực hiện. Quá trình giải quyết vụ án, ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà H và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án thể hiện việc đã thực hiện một phần hay toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với bà H. Đối với ông Phạm Văn D có thừa nhận chữ ký và dấu lấn tay vào giấy mượn tiền, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông D cho rằng ông chỉ là người làm chứng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh và không phù hợp với lời khai của

người làm chứng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xét thấy bà H yêu cầu ông T và ông D liên đới trả số tiền gốc 200.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

[5] Về số tiền lãi: Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*. Bà H chỉ yêu cầu ông D và ông T trả số tiền lãi là 34.500.000 đồng tính đến ngày 26 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H được chấp nhận toàn bộ nên bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Lê Minh T và ông Phạm Văn D có nghĩa vụ liên đới chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà Trần Thị H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với ông Lê Minh T và ông Phạm Văn D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Lê Minh T và ông Phạm Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị H số tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi 34.500.000 đồng (Ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo “Giấy mượn tiền” năm 2018; tổng cộng 234.500.000 đồng (Hai trăm ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 5.862.000 đồng (Năm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0031027 ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Ông Phạm Văn D và ông Lê Minh T phải liên đới chịu số tiền 11.725.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thế Chính

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bồ Quốc Khánh

Đoàn Văn Lước

Hồ Thế Chính

